

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23/9/ 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Tư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đăng Thanh và bà Hoàng Thị Thu Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 24-02-2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐ-HPT ngày 08/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị D, sinh năm: 1985; Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu 3, Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã X, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Trường G; sinh năm: 1983; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tiểu khu 3, Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị và anh Đặng Trường G kết hôn với nhau vào ngày 31/10/2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã được hai bên gia đình và UBND xã X, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau được 04 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn, nên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến bạo lực gia đình. Hiện chị D xác định không còn tình cảm với anh G nữa nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh Đặng Trường G. Về con chung, quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng Thị HV, sinh ngày: 20 - 04-2007 hiện sống cùng chị D và gia đình bên ngoại từ năm 2012 cho đến nay. Nay vợ chồng ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi con và

không yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Trường G trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử hôm nay đều không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành rất nhiều biện pháp để đề nghị anh G phối hợp nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, tuy nhiên không có kết quả. Anh G thường xuyên trốn tránh, không chấp hành, vì vậy Tòa án không tiến hành làm việc để lấy lời khai cũng như hòa giải giữa vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hai lần, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Đặng Trường G.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được vì vậy căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Đặng Trường G; Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Đặng Thị HV sinh ngày 20-4-2007 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị D về việc không yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử buộc chị Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Đặng Trường G có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại Tổ dân phố X, phường X, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Anh Đặng Trường G được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Bị đơn anh Đặng Trường G vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Đặng Trường G kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, dẫn đến bạo lực gia đình. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án anh Đặng Trường G không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập cũng như các lần hòa giải của Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng chị D và anh G đã sống ly thân nhau từ năm 2012, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được vì vậy căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Đặng Trường G.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Thị HV sinh ngày 20-4-2007. Chị D có nguyện vọng được nuôi con chung là hoàn toàn có căn cứ, bởi vì từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Vy ở với chị, anh G không hề đi lại thăm nom, chăm sóc con chung. Xét nguyện vọng của cháu Đặng Thị HV mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Đặng Thị HV cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị D về việc không yêu cầu anh Đặng Trường G cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị D là nguyên đơn trong vụ án Hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2

Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Đặng Trường G.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị HV, sinh ngày: 20-04-2007 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Đặng Thị HV đủ 18 tuổi. Chị D không yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng cùng chị.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0007074 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, tiền án phí chị D đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn anh Đặng Trường G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- Các đương sự;
- UBND xã X, huyện Kỳ Anh;
- Lưu Hồ sơ; VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Tư